

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-5-2023

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Kiều Oanh

2. Ông Nguyễn Văn Bàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: ấp CN, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: Kp 1, thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Phan Văn T chung sống với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ĐY cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16 tháng 12 năm 2004. Chị và anh Phan Văn T có 02 người con chung tên: Phan Nguyễn Đình D, sinh ngày 15/10/1999 và Phan Nguyễn Như N, sinh ngày 06/4/2005, hiện nay Phan Nguyễn Đình D đã có gia đình riêng, còn Phan Nguyễn Như N

đang chung sống với chị; về tài sản chung, chị và anh Phan Văn T không có tài sản chung không tranh chấp; về nợ, chị và anh Phan Văn T không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Phan Văn T sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau nên chị và anh Phan Văn T đã sống ly thân 11 năm nay, chị và anh Phan Văn T không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn T. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Phan Nguyễn Như N, sinh ngày 06/4/2005 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu anh Phan Văn T cấp dưỡng con, còn người con chung tên Phan Nguyễn Đình D, sinh ngày 15/10/1999 hiện nay đã thành niên có gia đình riêng nên chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Phan Văn T không có, chị không yêu cầu giải quyết.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 18 tháng 3 năm 2023 và đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt ngày 18 tháng 3 năm 2023, bị đơn anh Phan Văn T trình bày như sau:*

Anh và chị Nguyễn Thị K chung sống với nhau vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã ĐY cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/12/2004. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, không hợp nhau, thường xuyên cự cãi bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân 11 năm nay. Về quan hệ con chung, vợ chồng có 02 người con chung tên: Phan Nguyễn Đình D, sinh ngày 15/10/1999 và Phan Nguyễn Như N, sinh ngày 06/4/2005, hiện nay người con tên Phan Nguyễn Đình D đã trưởng thành, còn người con chung tên Phan Nguyễn Như N đang chung sống với chị Nguyễn Thị K. Về tài sản chung và nợ, không có. Nay theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị K anh có ý kiến như sau: Về quan hệ hôn nhân, anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị K. Về quan hệ con chung, anh tự nguyện giao người con chung tên Phan Nguyễn Như N cho chị Nguyễn Thị K tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con, anh không cấp dưỡng nuôi con, còn người con chung tên Phan Nguyễn Đình D nay đã trưởng thành có gia đình riêng, anh không yêu cầu giải quyết; về tài sản và nợ, không có, anh không yêu cầu giải quyết. Anh bận công việc gia đình nên anh yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt anh trong quá trình giải quyết vụ án.

** Tại Bản trình bày nguyện vọng ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Phan Nguyễn Như N như sau:*

Phan Nguyễn Như N con của anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị K, từ khi cha và mẹ của Phan Nguyễn Như N không còn chung sống với nhau thì Phan

Nguyễn Như N sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị K, địa chỉ: ấp CN, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Nếu mẹ cha của Phan Nguyễn Như N ly hôn thì Phan Nguyễn Như N có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị Nguyễn Thị K. Phan Nguyễn Như N cam kết chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình.

** Tại Biên bản xác minh ngày 03 tháng 4 năm 2023, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị K chung sống hạnh phúc được một thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn không rõ. Thời gian anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị K chung sống có được 02 người con chung tên: Phan Nguyễn Đình D, sinh năm 1999 và Phan Nguyễn Như N, sinh năm 2005.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng nhận kết hôn Nguyễn Thị K và Phan Văn T (Bản chính); Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị K, sinh năm 1975 (Bản sao); Giấy khai sinh tên Phan Nguyễn Đình D, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1999 và Phan Nguyễn Như N, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2005 (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 20/10/2021 của Nguyễn Thị K (Bản chính); Căn cước công dân tên Phan Văn T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1970 (Bản sao). Bản trình bày nguyện vọng ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Phan Nguyễn Như N (Bản chính); Biên bản xác minh của Tòa án ngày 03/4/2023 (Bản chính); Biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thị K ngày 18/4/2023 (Bản chính).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn T. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Phan Nguyễn Như N, sinh ngày 06/4/2005 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu anh Phan Văn T cấp dưỡng con, còn người con chung tên Phan Nguyễn Đình D, sinh ngày 15/10/1999 hiện nay đã thành niên có gia đình riêng nên chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Phan Văn T không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn T gửi đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân

sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng. Bị đơn anh Phan Văn T có đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị K yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn T và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh Phan Văn T cũng đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thuận tình ly hôn và nuôi con giữa chị Nguyễn Thị K và anh Phan Văn T. Về cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị K không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, về tài sản chung và nợ, chị Nguyễn Thị K và anh Phan Văn T tự xác định không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Phan Văn T và nuôi con. Bị đơn anh Phan Văn T, cư trú tại: Kp 1, thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phan Văn T biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh, đến ngày 18 tháng 3 năm 2023 anh Phan Văn T gửi văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt anh trong quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị K không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phan Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Thị K và anh Phan Văn T chung sống với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang là một trong những nơi anh chị cư trú*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 229, quyển số 02/2004 ngày 16/12/2004, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công

nhận theo quy định tại Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Phan Văn T, thời gian chị và anh Phan Văn T không hòa hợp, anh chị thường xảy ra cự cãi bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân với nhau (năm 2012) 11 năm nay, vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị K cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn T thì anh Phan Văn T cũng đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị K nhưng anh Phan Văn T không tham gia phiên họp và phiên tòa nên không ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Phan Văn T. Cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Phan Văn T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Nguyễn Thị K và anh Phan Văn T có 02 người con chung tên: Phan Nguyễn Đình D, sinh ngày 15/10/1999 và Phan Nguyễn Như N, sinh ngày 06/4/2005. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Phan Nguyễn Như N, còn người con chung tên Phan Nguyễn Đình D hiện nay đã thành niên có gia đình riêng nên chị không yêu cầu giải quyết; anh Phan Văn T cũng đồng ý giao người con chung tên Phan Nguyễn Như N cho chị Nguyễn Thị K được tiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời người con chung của anh chị tên Phan Nguyễn Như N có nguyện vọng chung sống với chị Nguyễn Thị K. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, ghi nhận sự tự nguyện giữa chị Nguyễn Thị K và anh Phan Văn T, nguyện vọng của Phan Nguyễn Như N, giao người con chung của anh chị tên Phan Nguyễn Như N cho chị Nguyễn Thị K được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Đối với người con chung của anh chị tên Phan Nguyễn Đình D hiện nay đã trưởng thành, sinh sống riêng, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị K không yêu cầu anh Phan Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Nguyễn Thị K và anh Phan Văn T tự xác định, anh chị không có tài sản chung, anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Phan Văn T. Cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Phan Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện giữa chị Nguyễn Thị K và anh Phan Văn T, nguyện vọng của Phan Nguyễn Như N. Giao người con chung của anh chị tên: Phan Nguyễn Như N, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2005 cho chị Nguyễn Thị K được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được, hiện nay Phan Nguyễn Như N đang chung sống với chị Nguyễn Thị K. Đối với người con chung của anh chị tên Phan Nguyễn Đình D hiện nay đã trưởng thành, sinh sống riêng, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu anh Phan Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ, chị Nguyễn Thị K và anh Phan Văn T tự xác định, anh chị không có tài sản chung, anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003936 ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị K đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 22/5/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã ĐY, AB, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo